

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thư và bà Trịnh Thị Khanh.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị T năm 1985.

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Quách Văn H sinh năm 1980.

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/03/2024 và biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Quách Thị T1 trình bày: Chị và anh Quách Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn

không thể giải quyết được và đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **H**.

Bị đơn anh **Quách Văn H** trình bày: Anh và chị **T1** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến tình cảm bị rạn nứt, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay chị **T1** làm đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị **T1** và anh **H** có 02 con chung là **Quách Thị H1**, sinh ngày 06/3/2001 và **Quách Văn T2**, sinh ngày 28/8/2008. Nay ly hôn chị **T1** và anh **H** thống nhất: cháu **H1** đã đủ tuổi thành niên và đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu **Quách Văn T2** giao cho chị **T1** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, chị **T1** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị **Quách Thị T1** và anh **Quách Văn H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị **Quách Thị T1** và anh **Quách Văn H** là vợ chồng.

Về con chung: Chị **T1** và anh **H** có 02 con chung là **Quách Thị H1**, sinh ngày 06/3/2001 và **Quách Văn T2**, sinh ngày 28/8/2008. Cháu **H1** đã đủ tuổi thành niên và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu **T2** cho chị **T1** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị **T1** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị **T1** và anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **T1** phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Quách Thị T1** làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh **Quách Văn H** trú tại: **Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Do đó, việc chị **T1** khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị **Quách Thị T1** và anh **Quách Văn H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị **T1** và anh **H** theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật TTDS.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân chị **T1** và anh **H** tự nguyện chung sống với nhau năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh và chị hay cãi nhau. Chị **T1** làm đơn xin ly hôn, anh **H** đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin ly hôn của chị **T1** là chính đáng. Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hôn nhân giữa chị **Quách Thị T1** và anh **Quách Văn H** là vi phạm luật Hôn nhân và gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận anh chị **Quách Thị T1** và anh **Quách Văn H** là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị **T1** và anh **H** có 02 con chung là **Quách Thị H1**, sinh ngày 06/3/2001 và cháu **Quách Văn T2**, sinh ngày 28/8/2008. Cháu **H1** đã đủ tuổi thành niên và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu **T2** giao cho chị **T1** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị **T1** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị **T1** và anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **T1** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 điều

68 – Bộ luật dân sự. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân. Không công nhận chị **Quách Thị T1** và anh **Quách Văn H** là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị **T1** và anh **H** có 02 con chung là cháu **Quách Thị H1**, sinh ngày 06/3/2001 và cháu **Quách Văn T2**, sinh ngày 28/8/2008. Cháu **H1** đã đủ tuổi thành niên và đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu **T2** cho chị **T1** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, chị **T1** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **T1** phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23 số 0000943, ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị **T1** đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND xã Cẩm Long.
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Ánh Tuyết

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

